

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
KHU VỰC 7
TỈNH TÂY NINH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 14/2025/HSST

Ngày: 04-9-2025

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 7 – TỈNH TÂY NINH**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Đức Bảo.

Các hội thẩm nhân dân: Ông Trần Văn Đoàn.

Ông Đặng Văn Vững.

- Thư ký ghi biên bản phiên tòa: Bà Huỳnh Thị Thanh Xuân – Thư ký
Tòa án nhân dân Khu vực 7, tỉnh Tây Ninh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Khu vực 7, tỉnh Tây Ninh: Bà Hứa
Thị Cẩm Thanh – Kiểm sát viên.

Ngày 04 tháng 9 năm 2025, tại Trụ sở Tòa án nhân dân Khu vực 7, tỉnh Tây Ninh tiến hành xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số: 10/2025/TLST - HS ngày 21 tháng 8 năm 2025 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 14/2025/QĐXXST-HS, ngày 25 tháng 8 năm 2025, đối với bị cáo:

Họ và tên: Nguyễn Vũ A, sinh ngày: 30/7/1996.

Nơi thường trú: ấp N, thị trấn P, huyện P, tỉnh Bạc Liêu. Nay là: ấp N, xã V, tỉnh Cà Mau; Nơi ở hiện nay: A7/15G V, Ấp A, xã V, huyện B, Tp .. Nay là: A7/15G Võ Văn V, Ấp A, xã T, Tp .; Nghề nghiệp: lao động tự do; Trình độ học vấn: 06/12; Dân tộc: Kinh; Giới tính: nam; Tôn giáo: không; Quốc tịch: Việt Nam; Con ông Nguyễn Văn V1 và bà Nguyễn Kim L; Bản thân chưa có vợ, con; Tiền án: không; Tiền sự (01): Quyết định số 45/QĐ-TA, ngày 30/01/2023, của Tòa án nhân dân quận Bình Tân, Tp . Hồ Chí Minh áp dụng biện pháp xử lý hành chính đưa vào cơ sở cai nghiện bắt buộc, thời hạn 24 tháng về hành vi sử dụng trái phép chất ma túy, chấp hành xong ngày 08/11/2024; Về nhân thân: Quyết định số 272/QĐ-TA, ngày 08/6/2016, của Tòa án nhân dân huyện Bình Chánh, Tp. Hồ Chí Minh áp dụng biện pháp xử lý hành chính đưa vào cơ sở cai nghiện bắt buộc, thời hạn 15 tháng về hành vi sử dụng trái phép chất ma túy, chấp hành xong ngày 25/6/2017; Quyết định số 410/QĐ-TA, ngày 03/8/2018, của Tòa án nhân dân quận Bình Tân, Tp . Hồ Chí Minh áp dụng biện pháp xử lý hành chính đưa vào cơ sở cai nghiện bắt buộc, thời hạn 18

tháng về hành vi sử dụng trái phép chất ma túy, chấp hành xong ngày 14/11/2019 và Quyết định số 882/QĐ-TA, ngày 07/12/2020, của Tòa án nhân dân quận Bình Tân, Tp . Hồ Chí Minh áp dụng biện pháp xử lý hành chính đưa vào cơ sở cai nghiện bắt buộc, thời hạn 18 tháng về hành vi sử dụng trái phép chất ma túy, chấp hành xong ngày 10/3/2022; Bị cáo bị tạm giam từ ngày 12/5/2025 đến nay, có mặt tại phiên tòa.

Họ và tên: **Nguyễn Văn L1**, sinh ngày: 01/01/1996.

Nơi thường trú: ấp P, xã P, huyện P, tỉnh Bạc Liêu. Nay là: ấp P, xã V, tỉnh Cà Mau; Nơi ở hiện nay: Ấp C, xã L, huyện C, tỉnh Long An. Nay là: ấp L, xã C, tỉnh Tây Ninh; Nghề nghiệp: lao động tự do; Trình độ học vấn: 08/12; Dân tộc: Kinh; Giới tính: nam; Tôn giáo: không; Quốc tịch: Việt Nam; Con ông Nguyễn Văn N và bà Mai Thúy O; Bản thân có vợ tên Nguyễn Thị Huỳnh N1, có 02 con, lớn sinh năm 2017, nhỏ sinh năm 2025; Tiền án – tiền sự: không; Về nhân thân: Quyết định số 49/QĐ-TA, ngày 07/6/2019, của Tòa án nhân dân huyện Nhà Bè, Tp.Hồ Chí Minh áp dụng biện pháp xử lý hành chính đưa vào cơ sở cai nghiện bắt buộc, thời hạn 18 tháng về hành vi sử dụng trái phép chất ma túy, chấp hành xong ngày 30/7/2020; Bị cáo bị tạm giam từ ngày 09/5/2025 đến nay, có mặt tại phiên tòa.

Bị hại:

1/ Nguyễn Trí P, sinh năm: 1992 (vắng mặt, có đơn ngày 29/7/2025).

Nơi cư trú: Ấp A, xã C, tỉnh Tây Ninh.

2/ Lê Thị Ánh N2, sinh năm: 1987 (vắng mặt).

Nơi cư trú cũ: 170/5 Ấp B, xã H, huyện N, Tp .. Nay là: xã H, Tp ..

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án:

1/ Lê Thái P1, sinh năm: 1992 (vắng mặt).

Nơi cư trú cũ: 170/5 Ấp B, xã H, huyện N, Tp .. Nay là: xã H, Tp ..

2/ Đinh Mạnh T, sinh năm: 1991 (vắng mặt, có đơn ngày 29/7/2025).

Nơi cư trú cũ: C, Tổ B, Ấp C, xã V, huyện B, Tp .. Nay là: xã T, Tp ..

3/ Nguyễn Thành L2, sinh năm: 2000 (vắng mặt, có đơn ngày 29/7/2025).

Nơi cư trú: ấp K, xã C, tỉnh Tây Ninh.

4/ Nguyễn Thị Cẩm T1, sinh năm: 1987 (vắng mặt).

Nơi cư trú cũ: Tổ C, Ấp E, xã A, huyện L, tỉnh Đồng Nai. Nay là: xã A, tỉnh Đồng Nai.

5/ Huỳnh Anh T2, sinh năm: 1973 (có mặt).

Nơi ở hiện nay: A7/15G V, Ấp A, xã V, huyện B, Tp .. Nay là: A7/15G Võ Văn V, Ấp A, xã T, Tp ..

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Qua các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và qua quá trình xét hỏi, tranh luận tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Khoảng 09 giờ ngày 27/4/2025, Nguyễn Vũ A đang ngồi uống nước tại Ấp C, xã L, huyện C, tỉnh Long An (nay là ấp L, xã C, tỉnh Tây Ninh), thì Vũ A gặp Nguyễn Văn L1 và rủ L1 về phòng trọ của L1 tại Ấp C, xã L, huyện C, tỉnh Long An. Tại đây, Vũ A lấy trong cốp xe ra biển số xe mô tô 60C1-289.14 gắn vào xe mô tô biển số 59M2-640.33 của Vũ A (tức là thay biển số 59M2-640.33 thành biển số 60C1-289.14), rồi cất biển số 59M2-640.33 vào trong cốp xe. Sau đó, Vũ A rủ L1 đi tìm tài sản lấy trộm bán lấy tiền chia nhau tiêu xài, thì được L1 đồng ý. Lúc này, Vũ A lấy bộ dụng cụ bẻ khóa xe mô tô tự chế đã chuẩn bị sẵn từ trước gồm 01 cây đoạn, 01 cây từ và 01 cây điều để trong vỏ bao thuốc lá hiệu Jet, bỏ vào túi quần bên phải. Sau đó, L1 điều khiển xe mô tô gắn biển số 60C1-289.14 chở Vũ A cùng đi tìm tài sản lấy trộm. Khi đến khu vực nhà trọ H thuộc Ấp C, xã L, huyện C, tỉnh Long An, Vũ A phát hiện xe mô tô biển số 59Z1-196.81 của anh Lê Thái P1 (chủ sở hữu xe mô tô là chị Lê Thị Ánh N2 cho anh P1 mượn xe) đang đậu trước phòng trọ Số 18 nhà trọ Hồ N, không có người trông coi, nên kêu L1 dừng xe đứng bên ngoài chờ, Vũ A đi đến vị trí xe mô tô biển số 59Z1-196.81 đang đậu, rồi dùng bộ đoạn phá ổ khóa xe, đẩy xe ra ngoài, rồi điều khiển xe mô tô vừa lấy trộm được đến thị trấn C, huyện C (nay là xã C, tỉnh Tây Ninh), L1 điều khiển xe mô tô gắn biển số 60C1-289.14 chạy theo sau. Khi đến thị trấn C, Vũ A liên lạc với Nguyễn Thành L2 và bán xe mô tô vừa trộm được cho L2 với giá 2.200.000 đồng, Vũ A chưa chia tiền cho L1.

Sau đó, Vũ A kêu L1 tiếp tục điều khiển xe mô tô gắn biển số 60C1-289.14 chở Vũ A đến đường L thuộc Khu phố A, thị trấn C, huyện C (nay là Ấp A, xã C, tỉnh Tây Ninh), Vũ A phát hiện xe mô tô biển số 62M1-779.97 của anh Nguyễn Trí P đang đậu trước cửa tiệm đồ gỗ T, không người trông coi, nên kêu L1 dừng xe lại đứng bên ngoài chờ, Vũ A đi đến vị trí xe mô tô biển số 62M1-779.97, dùng bộ đoạn bẻ khóa xe, rồi điều khiển xe mô tô vừa trộm được tẩu thoát về hướng Tp ., L1 điều khiển xe mô tô gắn biển số 60C1-289.14 chạy theo sau. Khi chạy được một đoạn thì L1 và Vũ A bị lạc nhau, nên Vũ A một mình điều khiển xe mô tô vừa trộm được đến tiệm cầm đồ Anh K, địa chỉ C, Tổ B, Ấp C, xã V, huyện B, Tp . (Nay là xã T, TP .) do anh Đinh Mạnh T làm chủ cầm được số tiền 18.000.000 đồng, tiêu xài cá nhân hết. Qua truy xét, Công an thị trấn C mời L1 và Vũ A về làm việc. Qua làm việc, cả hai thừa nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình.

Tại Kết luận định giá tài sản số: 55/KL-HĐĐGTS ngày 01/5/2025 của Hội đồng định giá tài sản trong tổ tụng hình sự huyện C, kết luận: 01 (một) xe mô tô hiệu Honda Vario, màu xanh - đen, biển số: 62M1-779.97, đã qua sử dụng, trị giá:

30.667.000 đồng.

Tại Kết luận định giá tài sản số: 57/KL-HĐĐGTS ngày 06/5/2025 của Hội đồng định giá tài sản trong tổ tụng hình sự huyện C, kết luận: 01 (một) xe mô tô hiệu Honda Vision, màu trắng, biển số: 59Z1-196.81, đã qua sử dụng, trị giá: 10.000.000 đồng.

Tại Bản cáo trạng số 09/CT-VKSKV7 ngày 21/8/2025 của Viện kiểm sát nhân dân Khu vực 7, tỉnh Tây Ninh truy tố Nguyễn Vũ A và Nguyễn Văn L1 về tội “*Trộm cắp tài sản*” theo quy định tại khoản 1 Điều 173 Bộ luật Hình sự;

Kiểm sát viên giữ quyền công tố tại phiên tòa vẫn giữ nguyên quan điểm truy tố hai bị cáo như bản cáo trạng và đề nghị Hội đồng xét xử:

Áp dụng khoản 1 Điều 173; điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; điểm g khoản 1 Điều 52; Điều 17; Điều 38; Điều 50 và Điều 58 Bộ luật hình sự.

Xử phạt: Nguyễn Vũ A từ 01 (một) năm 06 (sáu) tháng đến 02 (hai) năm tù.

Áp dụng khoản 1 Điều 173; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51; điểm g khoản 1 Điều 52; Điều 17; Điều 38; Điều 50 và Điều 58 Bộ luật hình sự.

Xử phạt: Nguyễn Văn L1 từ 01 (một) năm đến 01 (một) năm 06 (sáu) tháng tù.

Đề nghị không áp dụng hình phạt bổ sung đối với bị cáo Vũ A và L1 theo quy định tại khoản 5 Điều 173 Bộ luật hình sự.

Tang vật: Cơ quan cảnh sát điều tra đã tạm giữ và hoàn trả cho bị cáo Vũ A 01 quần jean màu xanh (đã qua sử dụng) và hoàn trả cho bị cáo L1 01 (một) điện thoại di động hiệu Samsung, màu xanh (màn hình đã bị hỏng); 01 (một) quần sọt màu xanh; 01 (một) áo sơ mi dài tay, màu xanh đen và 01 (một) đôi dép quai ngang màu xám, do không liên quan đến vụ án. Hoàn trả cho ông Huỳnh Anh T2 01 (một) xe mô tô hiệu Yamaha, loại Sirius, màu đen - xám, 01 (một) biển số xe mô tô 59M2-640.33. Hoàn trả cho chị Nguyễn Thị Cẩm T1 01 (một) biển số xe mô tô 60C1-289.14, do chị T1 đứng tên. Hoàn trả cho chị Lê Thị Ánh N2 01 (một) xe mô tô hiệu Honda Vision, màu trắng, biển số 59Z1-196.81 và hoàn trả cho anh Nguyễn Trí P 01 (một) xe mô tô hiệu Vario, màu xanh - đen, biển số 62M1-779.97 và 01 Giấy chứng nhận đăng ký xe mô tô, xe máy số 062136, biển số 62M1-779.97, tên chủ xe Nguyễn Trí P, là phù hợp.

Về trách nhiệm dân sự: bị hại Nguyễn Trí P và Lê Thị Ánh N2 đã nhận lại tài sản. Anh Đinh Mạnh T đã nhận số tiền 18.000.000 đồng tiền cầm xe mô tô, hiện không yêu cầu, nên đề nghị không xem xét. Đối với anh Nguyễn Thành L2 không yêu cầu số tiền mua xe 2.200.000 đồng, nên đề nghị không xem xét.

Hai bị cáo và ông Anh T2 không có ý kiến tranh luận.

Hai bị cáo nói lời sau cùng xin giảm nhẹ hình phạt.

NHẬN ĐỊNH CỦA HỘI ĐỒNG XÉT XỬ:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra, xét hỏi, tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về hành vi tố tụng của Cơ quan điều tra, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã được thực hiện đúng thẩm quyền, trình tự thủ tục, quy định của Bộ luật tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo và những người tham gia tố tụng khác không có người nào có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó các hành vi, quyết định tố tụng của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Hành vi phạm tội của bị cáo Nguyễn Vũ A và Nguyễn Văn L1 xảy ra ngày 27/4/2025 nên áp dụng Bộ luật hình sự năm 2015, sửa đổi bổ sung năm 2017 để giải quyết.

[3] Vào ngày 27/4/2025, bị cáo Vũ A và L1 thống nhất cùng nhau lén lút thực hiện 02 lần trộm cắp tài sản trên địa bàn xã L và thị trấn C, huyện C, tỉnh Long An (Nay là xã C, tỉnh Tây Ninh), Cụ thể:

[3.1] Lần 1: Tại nhà trọ H thuộc Ấp C, xã L, huyện C, tỉnh Long An, Vũ A và L1 lấy trộm xe mô tô hiệu Honda Vision, màu trắng, biển số 59Z1-196.81 của anh Lê Thái P1 (chủ sở hữu Lê Thị Ánh N2). Theo Kết luận định giá tài sản số 57/KL-HĐĐGTS, ngày 06/5/2025, của Hội đồng định giá trong tố tụng hình sự huyện C xác định tài sản hai bị cáo chiếm đoạt trị giá 10.000.000 đồng (mười triệu đồng).

[3.2] Lần 2: Tại cửa tiệm Đ thuộc Khu phố A, thị trấn C, huyện C, tỉnh Long An, Vũ A và L1 tiếp tục lấy trộm 01 xe mô tô hiệu Honda Vario, màu xanh - đen, biển số 62M1-779.97 của anh Nguyễn Trí P, Theo Kết luận định giá tài sản số 55/KL-HĐĐGTS, ngày 01/5/2025, của Hội đồng định giá trong tố tụng hình sự huyện C xác định tài sản hai bị cáo chiếm đoạt trị giá 30.667.000 đồng (ba mươi triệu sáu trăm sáu mươi bảy ngàn đồng).

[3.3] Xét thấy tài sản hai bị cáo chiếm đoạt có tổng giá trị là 40.667.000 đồng (bốn mươi triệu sáu trăm sáu mươi bảy ngàn đồng). Giá trị tài sản hai bị cáo chiếm đoạt giá trị trên 2.000.000 đồng đến dưới 50.000.000 đồng. Nên hành vi của hai bị cáo đã cấu thành tội “*Trộm cắp tài sản*” tội phạm và hình phạt được quy định tại khoản 1 Điều 173 Bộ luật hình sự.

[3.4] Ngoài ra, việc hai bị cáo khi thực hiện hành vi phạm tội không có bàn bạc, phân công vị trí vai trò, nhiệm vụ cụ thể của từng người, chỉ là đồng phạm giản

đơn, nên không xem xét đến tình tiết phạm tội có tổ chức theo quy định tại điểm a khoản 2 Điều 173 Bộ luật hình sự.

[4] Hành vi phạm tội của hai bị cáo được thực hiện với lỗi cố ý trực tiếp, là nguy hiểm cho xã hội, xâm phạm đến quyền sở hữu tài sản hợp pháp của người khác được pháp luật bảo vệ, gây mất trật tự an toàn xã hội, gây mất an ninh trị an tại địa phương. Hai bị cáo nhận thức được hành vi lén lút lấy trộm tài sản của người khác là vi phạm pháp luật nhưng vẫn cố ý thực hiện tội phạm. Do đó hành vi phạm tội của hai bị cáo cần phải được xử lý thỏa đáng mới có tác dụng giáo dục riêng và phòng ngừa chung.

[5] Xét về tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự đối với hai bị cáo: hai bị cáo đã 02 lần thực hiện hành vi trộm cắp tài sản và giá trị tài sản mỗi lần chiếm đoạt đều trên 2.000.000 đồng, đủ định lượng đây là tình tiết tăng nặng “*Phạm tội hai lần trở lên*” theo quy định tại điểm g khoản 1 Điều 52 Bộ luật hình sự.

[6] Xét về tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự đối với hai bị cáo: hai bị cáo thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải là tình tiết giảm nhẹ theo quy định tại điểm s khoản 1 Điều 51 Bộ luật hình sự. Bị cáo Vũ A đã tác động gia đình bồi thường cho anh Đinh Mạnh T số tiền 18.000.000 đồng nhận cầm xe mô tô, nên được hưởng tình tiết giảm nhẹ theo quy định tại điểm b khoản 1 Điều 51 Bộ luật hình sự. Bị cáo Vũ A có bà cô tên Huỳnh Thị L3 được truy tặng danh hiệu bà mẹ Việt Nam anh hùng và 03 ông chú là liệt sĩ, bị cáo L1 có hoàn cảnh khó khăn, có hai con còn nhỏ, nên hai bị cáo còn được hưởng tình tiết giảm nhẹ theo quy định tại khoản 2 Điều 51 Bộ luật hình sự.

[7] Trong vụ án, cũng cần xét vị trí vai trò cũng như nhân thân của hai bị cáo khi quyết định hình phạt: bị cáo Vũ A là người đề xuất, rủ rê bị cáo L1 thực hiện hành vi phạm tội, là người chuẩn bị công cụ, phương tiện, trực tiếp hai lần thực hiện hành vi phạm tội, cũng là người tiêu thụ tài sản sau khi chiếm đoạt và sử dụng toàn bộ số tiền thu lợi bất chính. Bị cáo L1 là người giúp sức tích cực, dùng xe mô tô chở bị cáo Vũ A đi tìm tài sản lấy trộm và là người cảnh giới. Cả hai bị cáo đều có nhân thân xấu, cụ thể: bị cáo Vũ A có một tiền sự, ngày 30/01/2023, bị Tòa án nhân dân quận Bình Tân, Tp . áp dụng biện pháp xử lý hành chính đưa vào cơ sở cai nghiện bắt buộc, thời hạn 24 tháng về hành vi sử dụng trái phép chất ma túy và trước đó đã 03 (ba) lần bị Tòa án áp dụng biện pháp xử lý hành chính đưa vào cơ sở cai nghiện bắt buộc; bị cáo L1 01 (một) lần bị Tòa án áp dụng biện pháp xử lý hành chính đưa vào cơ sở cai nghiện bắt buộc.

[8] Với những nhận định trên, xét thấy hình phạt của bị cáo Vũ A phải cao hơn bị cáo L1 và cần cách ly hai bị cáo ra khỏi xã hội một thời gian nhất định mới có thể giáo dục, cải tạo hai bị cáo trở thành người có ích cho xã hội. Xét thấy áp dụng hình

phạt tù đối với hai bị cáo cũng đủ răn đe, nên không cần thiết phải áp dụng hình phạt bổ sung đối với hai bị cáo theo quy định tại khoản 5 Điều 173 Bộ luật hình sự.

[9] Đối với anh Đinh Mạnh T và anh Nguyễn Thành L2, có hành vi nhận cầm cố và mua xe mô tô của bị cáo Vũ A, nhưng không biết đây là tài sản do phạm tội mà có, nên Cơ quan cảnh sát điều tra không xem xét xử lý, là phù hợp.

[10] Về tang vật thu giữ: Quá trình điều tra Cơ quan cảnh sát điều tra đã tạm giữ và hoàn trả cho bị cáo Nguyễn Vũ A 01 quần jean màu xanh (đã qua sử dụng) và hoàn trả cho bị cáo Nguyễn Văn L1 01 (một) điện thoại di động hiệu Samsung, màu xanh (màn hình đã bị hỏng); 01 (một) quần sọt màu xanh; 01 (một) áo sơ mi dài tay, màu xanh đen và 01 (một) đôi dép quai ngang màu xám, do không liên quan đến vụ án. Hoàn trả cho ông Huỳnh Anh T2 01 (một) xe mô tô hiệu Yamaha, loại Sirius, màu đen - xám, 01 (một) biển số xe mô tô 59M2-640.33 do ông T2 là chủ sở hữu và là cha đẻ của bị cáo Vũ A, cho Vũ A mượn sử dụng, việc Vũ A dùng xe mô tô làm phương tiện thực hiện hành vi phạm tội, ông T2 không biết. Hoàn trả cho chị Nguyễn Thị Cẩm T1 01 (một) biển số xe mô tô 60C1-289.14, do chị T1 đứng tên, do trong quá trình sử dụng xe mô tô chị T1 làm rơi mất. Hoàn trả cho chị Lê Thị Ánh N2 01 (một) xe mô tô hiệu Honda Vision, màu trắng, biển số 59Z1-196.81 và trả cho anh Nguyễn Trí P 01 (một) xe mô tô hiệu Vario, màu xanh - đen, biển số 62M1-779.97 và 01 Giấy chứng nhận đăng ký xe mô tô, xe máy số 062136, biển số 62M1-779.97, tên chủ xe Nguyễn Trí P. Là phù hợp với quy định tại Điều 106 Bộ luật tố tụng hình sự và Điều 47 Bộ luật hình sự.

[11] Về trách nhiệm dân sự: Tại phiên tòa, bị hại anh P và chị Ánh N2 vắng mặt nhưng theo hồ sơ thể hiện (*bút lục số 120 và 224*) đã nhận lại tài sản là hai xe mô tô, không yêu cầu, nên không xem xét. Anh Đinh Mạnh T vắng mặt nhưng theo hồ sơ thể hiện (*bút lục số 123*) đã nhận số tiền cầm xe 18.000.000 đồng từ gia đình bị cáo Vũ A, hiện không yêu cầu, nên không xem xét. Anh Nguyễn Thành L2 vắng mặt nhưng theo hồ sơ thể hiện (*bút lục số 224-226*) không yêu cầu bị cáo Vũ A phải trả số tiền mua xe 2.200.000 đồng, nên không xem xét. Tại phiên tòa ông Anh T2 là cha đẻ của bị cáo Vũ A cũng không yêu cầu gì về số tiền 18.000.000 đồng đã bồi thường cho anh Đinh Mạnh T3, nên không xem xét.

[12] Về án phí: mỗi bị cáo phải chịu 200.000đ án phí hình sự sơ thẩm theo quy định của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH

Tuyên bố bị cáo Nguyễn Vũ A và Nguyễn Văn L1 cùng phạm tội “*Trộm cắp tài sản*”.

Căn cứ khoản 1 Điều 173; điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; điểm g khoản 1 Điều 52; Điều 17; Điều 38; Điều 50 và Điều 58 Bộ luật hình sự.

Xử phạt: Nguyễn Vũ A 02 (hai) năm tù. Thời hạn tù được tính từ ngày 12/5/2025.

Căn cứ khoản 1 Điều 173; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51; điểm g khoản 1 Điều 52; Điều 17; Điều 38; Điều 50 và Điều 58 Bộ luật hình sự.

Xử phạt: Nguyễn Văn L1 01 (một) năm 03 (ba) tháng tù. Thời hạn tù được tính từ ngày 09/5/2025.

Căn cứ Điều 329 Bộ luật tố tụng hình sự. Tiếp tục tạm giam bị cáo 45 ngày kể từ ngày tuyên án (04/9/2025) để đảm bảo việc kháng cáo, kháng nghị và thi hành án.

Về án phí: bị cáo phải nộp 200.000 đồng án phí hình sự sơ thẩm.

Án xử sơ thẩm công khai báo cho bị cáo và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án có mặt biết được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Bị hại, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án vắng mặt được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày bản án được tổng đạt hợp lệ.

Nơi nhận:

- *TAND tỉnh Tây Ninh*; **Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa**
- *Công an tỉnh Tây Ninh*;
- *VKSND Khu vực 7, tỉnh Tây Ninh*;
- *THADS tỉnh Tây Ninh*;
- *Bị cáo; đương sự*;
- *Lưu hồ sơ*;
- *Lưu án văn*.

T.M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM

NGUYỄN ĐỨC BẢO

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
KHU VỰC 7
TỈNH TÂY NINH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Tây Ninh, ngày 04 tháng 9 năm 2025

BIÊN BẢN NGHỊ ÁN

Vào hồi 9 giờ 30 phút ngày 04 tháng 9 năm 2025.

Tại: trụ sở Tòa án nhân dân Khu vực 7, tỉnh Tây Ninh.

Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Đức Bảo.

Hội thẩm nhân dân: Ông Trần Văn Đoàn.

Ông Đặng Văn Vững.

Tiến hành nghị án vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số: 10/2025/TLST-HS, ngày 21/8/2025 đối với bị cáo: Nguyễn Vũ Anh và Nguyễn Văn Lê.

Căn cứ vào Điều 299 và Điều 326 của Bộ luật Tố tụng hình sự.

Căn cứ vào các chứng cứ và tài liệu đã được xem xét tại phiên tòa, kết quả tranh tụng tại phiên tòa, các quy định của pháp luật.

HỘI ĐỒNG XÉT XỬ THẢO LUẬN, BIỂU QUYẾT, QUYẾT ĐỊNH CÁC VẤN ĐỀ CỦA VỤ ÁN NHƯ SAU:

1. Về tội danh:

Tuyên bố bị cáo Nguyễn Vũ Anh và Nguyễn Văn Lê cùng phạm tội “*Trộm cắp tài sản*”.

Kết quả biểu quyết: 3/3.

2. Về Điều luật áp dụng:

Bị cáo Nguyễn Vũ Anh: Căn cứ khoản 1 Điều 173; điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; điểm g khoản 1 Điều 52; Điều 17; Điều 38; Điều 50 và Điều 58 Bộ luật hình sự.

Bị cáo Nguyễn Văn Lê: Căn cứ khoản 1 Điều 173; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51; điểm g khoản 1 Điều 52; Điều 17; Điều 38; Điều 50 và Điều 58 Bộ luật hình sự.

Kết quả biểu quyết: 3/3.

3. Về hình phạt:

Xử phạt: Nguyễn Vũ Anh 02 (hai) năm tù. Thời hạn tù được tính từ ngày 12/5/2025.

Xử phạt: Nguyễn Văn Lê 01 (một) năm 03 (ba) tháng tù. Thời hạn tù được tính từ ngày 09/5/2025.

Căn cứ Điều 329 Bộ luật tố tụng hình sự. Tiếp tục tạm giam bị cáo 45 ngày kể từ ngày tuyên án (04/9/2025) để đảm bảo việc kháng cáo, kháng nghị và thi hành án.

Kết quả biểu quyết: 3/3.

4. Các vấn đề khác:

Về án phí: bị cáo phải nộp 200.000 đồng án phí hình sự sơ thẩm.

Án xử sơ thẩm công khai báo cho bị cáo và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án có mặt biết được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Bị hại, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án vắng mặt được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày bản án được tổng đạt hợp lệ.

Kết quả biểu quyết: 3/3.

Nghị án kết thúc vào hồi 9 giờ 45 phút, cùng ngày.

Biên bản nghị án đã được đọc lại cho tất cả các thành viên của Hội đồng xét xử cùng nghe và ký tên.

HỘI THẨM NHÂN DÂN

CHỦ TOẠ

TRẦN VĂN ĐOÀN – ĐẶNG VĂN VŨNG NGUYỄN ĐỨC BẢO